TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 21-4-2022
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đoàn Văn Nhanh.
Bà Nguyễn Thanh Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm 1966 - Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị D - Sinh năm 1963 - Địa chỉ Ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-6-2021, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày và yêu cầu: Ngày 17-12-2020, bà Lê Thị D vay của ông C 130.000.000 đồng, không tính lãi, thời hạn vay 10 ngày kể từ ngày công chứng. Hai bên ký "hợp đồng mượn tiền" ngày 17-12-2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Văn Ninh. Sau khi hết thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng vay đến nay, bà D không trả tiền cho ông C. Ông C khởi kiện yêu cầu bà D trả tổng cộng 140.790.000 đồng gồm 130.000.000 đồng tiền gốc và 10.790.000 đồng tiền lãi

(cách tính: lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 28-12-2020 đến 27-5-2021 tức là ngày ông C làm đơn khởi kiện là 5 tháng = 10.790.000 đồng).

Theo biên bản lấy lời khai ngày 17-3-2022, bà Lê Thị D trình bày: năm 2020 bà D nhờ ông C vay tiền bằng hình thức thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà D hứa nếu vay được 1.000.000.000 đồng thì bà D cho ông C 100.000.000 đồng. Ngày 17-12-2020, bà D và ông C có đến văn phòng công chứng Võ Văn Ninh ký hợp đồng mượn tiền nhưng thực tế bà D không nhận 100.000.000 đồng từ ông C. Số tiền 30.000.000 đồng trong 130.000.000 đồng là tiền lãi bà D vay của ông C nhưng đã trả 10.000.000 đồng. Sau đó ông C làm thủ tục vay dùm bà D chỉ được 500.000.000 đồng. Bà D chỉ đồng ý trả cho ông C 20.000.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa:

Ông C giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đối với bà D, yêu cầu bà D trả tổng cộng 140.790.000 đồng gồm 130.000.000 đồng tiền gốc và 10.790.000 đồng tiền lãi. Ông C yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 28-12-2020 đến ngày 27-5-2021, không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: việc vay tiền giữa bà D và ông C được lập thành hợp đồng có công chứng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của ông C về số tiền gốc 130.000.000 đồng và tính tiền lãi lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Văn C khởi kiện bà Lê Thị D yêu cầu bà D trả 130.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi phát sinh nên xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bà D cư trú tại huyện Đ tỉnh L. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

[2]. Bà D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà D không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông C yêu cầu bà D trả tổng cộng 140.790.000 đồng gồm 130.000.000 đồng tiền gốc và 10.790.000 đồng tiền lãi, đồng thời xét nội dung bà D chỉ đồng ý trả cho ông C 20.000.000 đồng:

[3.1] Bà D và ông C đều khai ngày 17-12-2020 hai bên có đến văn phòng công chứng Võ Văn Ninh ký "hợp đồng mượn tiền" ghi nhận về số tiền 130.000.000 đồng. Các điều khoản thỏa thuận trong "hợp đồng mượn tiền" ngày 17-12-2020 hoàn toàn không có nội dung nào thể hiện số tiền trong hợp đồng gồm 02 khoản khác nhau là tiền công nhờ vay vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng như bà D trình bày. Ông C không thừa nhận bà D đã trả cho ông C 10.000.000 đồng. Ngược lại bà D không có tài liệu gì để chứng minh số tiền 130.000.000 đồng ghi trong hợp đồng ngày 27-12-2020 gồm tiền công nhờ vay vốn 100.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng và bà D đã trả cho ông C 10.000.000 đồng. Vì vậy trình bày của bà D là không có căn cứ chấp nhận. Ngược lại yêu cầu khởi kiện của ông C là có cơ sở chấp nhận để buộc bà D phải trả cho ông C 130.000.000 đồng tiền gốc (theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015).

[3.2] Về lãi: Ông C yêu cầu tính lãi từ 28-12-2020 đến 27-5-2021 là quyền tự định đoạt của ông C nên Hội đồng xét xử ghi nhận về thời gian ông C yêu cầu tính lãi là 4 tháng 29 ngày. Mức lãi suất ông C yêu cầu 1,66%/tháng là không phù hợp vì "hợp đồng mượn tiền" ngày 17-12-2020 giữa bà D và ông C là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi nên áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự hiện nay là 10%/năm. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: (130.000.000 đồng x 10% : 12 tháng x 4 tháng) + (130.000.000 đồng x 10% : 12 tháng : 30 ngày x 29 ngày) = 5.380.555 đồng (đã làm tròn số). Vì vậy chỉ buộc bà D phải trả cho ông C 5.380.555 đồng tiền lãi. Đối với số tiền lãi 5.409.445 đồng ông C yêu cầu vượt quá cách tính lãi nêu trên không có căn cứ chấp nhận.

[3.3]. Từ nhận định tại các mục [3.1], [3.2] cần buộc bà D phải trả cho ông C tổng cộng: 135.380.555 đồng gồm 130.000.000 đồng tiền gốc và 5.380.555 đồng tiền lãi.

[3.4]. Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[4]. Với những nhận định tại mục [3] thì đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà D phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận là 6.769.027 đồng (cách tính 135.380.555 đồng x 5%). Ông C phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông C không được chấp nhận là 270.472 đồng (cách tính 5.409.445 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Lê Thị D với số tiền 135.380.555 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Lê Thị D về số tiền lãi 5.409.445 đồng.

Buộc bà Lê Thị D phải trả cho Nguyễn Văn C tổng cộng 135.380.555 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng) gồm 130.000.000 đồng tiền gốc và 5.380.555 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị D phải chịu 6.769.027 đồng (sáu triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn C phải chịu 270.472 đồng (hai trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ án phí với tiền tạm ứng án phí, trả lại cho ông C 3.249.278 đồng (ba triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông C đã nộp theo biên lai thu số 0005078 ngày 31-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên